TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 19-02-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm*** **có*:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Minh Lý;

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hảnh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Thướng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 645/2018/TLST-HNGĐ ngày11 tháng 12 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXX-ST ngày 12 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Huỳnh Thị Thúy L, sinh năm 1992; cư trú tại: Ấp BN, xã GB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh, "có mặt".

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Minh P, sinh năm 1994; cư trú tại: Ấp Bình BN, xã GB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh, "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 9 năm 2018 và bản tự khai - nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thúy L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Minh P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã GB. Sau khi cưới, vợ chồng sinh sống tại ấp BN, xã GB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do

chồng thiếu quan tâm chăm sóc vợ con. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thảo N, sinh ngày 16-6-2016, hiện đang sống với chị.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay chị yêu cầu ly hôn với anh P. Về con chung: Chị yêu cầu tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh P cấp dưỡng. Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Minh P trình bày:

Anh xác nhận anh và chị L chung sống vào năm 2015, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn. Vợ chồng có 01 con chung; tài sản chung và nợ chung không có. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ về bên ruột để sinh nở sau đó không trở về nhà chồng. Anh có đến rước chị L về thì giữa anh và mẹ chị L xảy ra tranh chấp. Chị L nghe lời mẹ không trở về nhà anh nữa. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Từ khi ly thân, anh có yêu cầu chị L trở về nhà anh sinh sống nhưng chị L không đồng ý.

Nay anh đồng ý ly hôn với chị L. Về con chung: Anh đồng ý giao cho chị L tiếp tục nuôi, không đồng ý cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh P.

Về con chung: Giao chị L tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Ghi nhận chị L không yêu cầu anh P cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị L và anh P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã GB nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian sống chung, chị L và anh P phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng tự sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay chị L yêu cầu ly hôn thì anh P đồng ý. Do đó, xét tình trạng vợ chồng giữa chị L và anh P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[3] Về con chung: Chị L và anh P có 01 con chung tên Nguyễn Thảo N, sinh ngày 16-6-2016, hiện đang sống với chị L. Sau khi ly hôn, chị L yêu cầu tiếp tục nuôi con, anh P đồng ý giao con chung cho chị L tiếp tục nuôi. Do đó, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cháu N cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh P không cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Xét ý kiến của Kiểm sát viên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Thúy L đối với anh Nguyễn Minh P.

Chị Huỳnh Thị Thúy L được ly hôn anh Nguyễn Minh P.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thảo N, sinh ngày 16-6-2016 cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh P không cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Thúy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0016589 ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị L có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với anh P vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H.Trảng Bàng;
- UBND xã Gia Bình;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm